

ĐẢNG BỘ THANH HOÁ LÃNH ĐẠO CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

MAI VĂN NINH*

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế (CCKT) là chủ trương lớn trong đường lối đổi mới kinh tế của Đảng. Nhận thức được tầm quan trọng của chủ trương đó, căn cứ vào thực tế của địa phương, trong những năm qua, Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển dịch CCKT và đạt được những kết quả bước đầu đáng khích lệ. Qua đó, Đảng bộ rút ra được nhiều bài học, kinh nghiệm cho chặng đường tiếp theo.

Từ Đại hội VI Đảng ta xác định: Muốn đưa nền kinh tế sớm thoát khỏi tình trạng trì trệ, mất cân đối, phải dứt khoát bố trí lại cơ cấu kinh tế, điều chỉnh cơ cấu đầu tư, tập trung đầu tư sức người, sức của vào ba chương trình, mục tiêu kinh tế lớn: lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Đại hội Đảng bộ (ĐHĐB) tỉnh Thanh Hóa lần thứ XII (10 - 1986) xác định phương hướng bố trí lại CCKT của Tỉnh: "Từ lương thực và xuất khẩu, sản xuất hàng hóa phong phú, đa dạng mà đi lên. Từ đó xây dựng cơ cấu kinh tế nông - lâm - ngư - công nghiệp và dịch vụ sát hợp ở từng vùng, từng huyện, từng ngành, từng cơ sở". Tiếp đó, Tỉnh ủy có nhiều nghị quyết, chỉ thị nhằm đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý. Triển khai chủ trương đổi mới, năng lực sản xuất xã hội của Tỉnh từng bước được giải phóng, khuyến khích người lao động hăng hái đầu tư cho sản xuất. Ba chương trình kinh

tế được đẩy mạnh, tuy kết quả chưa cao. Năm 1991, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII xác định: "Tập trung đổi mới mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, ứng dụng rộng rãi khoa học và công nghệ mới; tiếp tục đi sâu đổi mới cơ chế quản lý, hình thành và phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước". Thực hiện Nghị quyết Đại hội VII của Đảng và Đại hội XIII Đảng bộ Tỉnh, những năm 1991-1995, kinh tế Thanh Hóa ngày càng phát triển ổn định, tuy còn chưa đều giữa các vùng, các lĩnh vực, trong khi kết cấu hạ tầng vẫn rất yếu kém.

Bám sát sự chỉ đạo của Trung ương về đẩy mạnh chuyển dịch CCKT, Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XIV (5-1996) chỉ rõ: "Ưu tiên đầu tư phát triển các ngành, các lĩnh vực tỉnh có tiềm năng, lợi thế, đáp ứng yêu cầu thị trường; tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH, đảm bảo tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao và bền vững". Trong những năm đổi mới, thực hiện nghị quyết các đại hội Đảng bộ Tỉnh, CCKT trên địa bàn Tỉnh từng bước chuyển dịch theo hướng tích cực.

Cơ cấu các ngành kinh tế có sự chuyển biến rõ rệt, tỷ trọng của các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ - thương mại đã có sự thay đổi hợp lý. Tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ - thương mại tăng, tỷ trọng nông nghiệp ngày càng giảm:

* Phó chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa

Năm	Nông nghiệp	Công nghiệp-xây dựng	Dịch vụ, thương mại
1990	51,6%	17,8%	30,6%
1995	46%	20,1%	33,9%
2000	39,9%	26,4%	33,7%
2003	35,7%	31,5%	32,8%

Cơ cấu nội bộ ngành cũng có sự chuyển đổi theo hướng nâng cao hiệu quả. Ngành nông nghiệp, từ độc canh, manh mún, tự cấp tự túc đã từng bước chuyển sang sản xuất hàng hóa, năng suất và hiệu quả tăng. Tổng sản lượng lương thực của Tỉnh bình quân những năm 1981-1986 chỉ đạt 72,7 vạn tấn; những năm 1986 - 1990 nâng lên 79 vạn tấn. Từ năm 1991, sản xuất lương thực có sự chuyển mạnh mẽ, hình thành những vùng chuyên canh, sản xuất hàng hoá tập trung gắn liền với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ. Năm 1995 sản lượng lương thực của Tỉnh đạt 1,004 triệu tấn; năm 2004 là 1,57 triệu tấn; năng suất lúa bình quân đạt 51,9 tạ/ha. Bình quân lương thực đầu người tăng từ 291,5kg năm 1995 tăng lên 403 kg năm 2003.

Bên cạnh cây lương thực, các loại cây có thể mạnh của Tỉnh như: cói, lạc, mía, dứa, sắn...được tập trung chỉ đạo phát triển thành vùng chuyên canh.

Đối với ngành chăn nuôi, Tỉnh uỷ đã ra Nghị quyết 06, nhằm chỉ đạo phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá và từng bước trở thành ngành sản xuất chính trong nông nghiệp; chú trọng phát triển các mô hình chăn nuôi trang trại công nghiệp, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Năm 2003, toàn tỉnh có 229 trang trại; đến nay đã tăng lên 319 trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô vừa và lớn. Tỷ trọng ngành chăn nuôi năm 1991 chiếm 15,6%, năm 2004 tăng lên 24% trong cơ cấu ngành nông nghiệp.

Qua thực hiện các chương trình trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc của Chính phủ, thực hiện giao đất giao rừng, đến nay lâm nghiệp đang từng bước chuyển sang xã hội hoá, với các mô hình đa dạng, mang lại kết quả thiết thực. Nạn khai thác rừng bừa bãi, đốt rừng làm rẫy tràn lan đã từng bước được

đẩy lùi. Bình quân hàng năm toàn tỉnh trồng được trên 6 ngàn ha rừng tập trung.

Ngành thủy sản những năm 80 chủ yếu khai thác nghề lộng với phương tiện thô sơ. Từ năm 1996 đến nay, Tỉnh chỉ đạo tập trung chuyển sang đánh bắt xa bờ, phương tiện đánh bắt được đầu tư hiện đại hoá. Nuôi trồng thủy sản tăng nhanh, diện tích nuôi trồng tăng từ 7.000 ha năm 1990 lên 12.100 ha năm 2003. Sản lượng thủy sản năm 2004 là 68.708 tấn, đạt giá trị 616 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2002. Nét nổi bật của ngành thủy sản Thanh Hóa trong những năm gần đây là phát triển toàn diện, cả nuôi trồng, đánh bắt, chế biến, dịch vụ hậu cần và xuất khẩu.

Công nghiệp được Đảng bộ xác định là ngành kinh tế động lực để thúc đẩy phát triển kinh tế và phục vụ đời sống, giải quyết việc làm. Bước vào đổi mới, công nghiệp Thanh Hóa có quy mô và tỷ trọng rất nhỏ. Từ năm 1991, đặc biệt là từ năm 1996 đến nay, công nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng khá. Những năm 1996-2000, bình quân hàng năm tăng 15,8%; 2001- 2003 tăng 19,5%. Năm 2004, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 7.568 tỷ đồng. Trên địa bàn tỉnh đã bước đầu hình thành một số khu công nghiệp (Bỉm Sơn - Thạch Thành, Lam Sơn - Mục Sơn, Nghi Sơn, thành phố Thanh Hoá - Sầm Sơn) với nhiều nhà máy lớn như Xi măng Nghi Sơn, Nhà máy đường Lam Sơn, Việt-Đài,...), vùng kinh tế động lực, gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ sản phẩm, tạo ra sự liên kết chặt chẽ giữa kinh tế nhà nước với các thành phần kinh tế khác. Cơ cấu ngành công nghiệp chuyển dịch theo hướng ưu tiên phát triển ngành có thể mạnh của Tỉnh như sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm, hải sản, khai thác khoáng sản, những ngành sử dụng nhiều lao

động, trong đó công nghiệp gia công, chế biến thực phẩm và sản xuất vật liệu xây dựng là ngành mũi nhọn.

Do có sự tập trung các nguồn lực cho phát triển kết cấu hạ tầng nhằm tạo tiền đề để chuyển dịch CCKT, tốc độ tăng trưởng ngành xây dựng ngày càng cao, những năm 1991-1993 là 5%, giai đoạn 1996 - 2000 đạt 12,8%. Đường giao thông, thủy lợi, đường truyền tải điện... được đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới đã góp phần khắc phục nhanh những yếu kém về kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện phát triển sản xuất, thu hút đầu tư.

Ngành dịch vụ - thương mại và du lịch phát triển, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh. Các khu du lịch, điểm du lịch ngày càng được đầu tư mở rộng qui mô và nâng cao chất lượng phục vụ, lượng khách du lịch hằng năm tăng bình quân 13,9%. Dịch vụ thương mại chuyển biến tích cực, đáp ứng yêu cầu sản xuất, đời sống của người dân; đặc biệt đã cung ứng đầy đủ các mặt hàng thiết yếu phục vụ đồng bào dân tộc ở các huyện miền núi. Khối lượng vận chuyển hàng hoá và hành khách của ngành dịch vụ vận tải tăng bình quân 2,3%/năm.

Kinh tế nhà nước phát triển và giữ vai trò chủ đạo trong một số ngành và lĩnh vực trọng yếu, có liên quan trực tiếp đến sản xuất và đời sống nhân dân. Các thành phần kinh tế khác được khuyến khích phát triển, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế, giải quyết việc làm, cải thiện đời sống nhân dân. Tỉnh đã huy động được nhiều nguồn lực cho đầu tư phát triển. Từ 1995 đến nay, bình quân hằng năm Tỉnh huy động được 2500 - 3000 tỷ đồng; đầu tư ngày càng tập trung hơn, cơ cấu đầu tư được điều chỉnh hợp lý theo hướng ưu tiên đẩy nhanh quá trình chuyển dịch CCKT, khai thác có hiệu quả tiềm năng và lợi thế của Tỉnh.

Việc chuyển dịch CCKT theo vùng được chú trọng.

Vùng đồng bằng, ven biển được xác định là vùng trọng điểm lúa, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi gia súc, gia cầm, phát triển công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến và xây dựng các trung tâm thương mại-dịch vụ. Ở đây có 88% cơ sở sản xuất, 89% lực lượng lao động, tạo ra 92% giá trị sản xuất công nghiệp của toàn tỉnh.

Các vùng kinh tế động lực với nòng cốt là các khu công nghiệp tập trung, các cụm công nghiệp đang được đầu tư, có tác động tích cực trong chuyển dịch CCKT trên địa bàn tỉnh.

Vùng ven đô, được chỉ đạo tập trung phát triển nuôi, trồng các loại cây, con phục vụ nhu cầu của đô thị.

Vùng trung du - miền núi có vị trí chiến lược trong phát triển kinh tế và an ninh - quốc phòng. Trong những năm qua, Tỉnh đã có nhiều chính sách ưu đãi nhằm thu hút đầu tư vào vùng này; đã đầu tư nguồn lực lớn phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ đời sống và sản xuất ở trung du - miền núi. Do vậy, CCKT trung du - miền núi đã có những chuyển biến bước đầu đáng khích lệ. Nhiều vùng sản xuất nguyên liệu tập trung đã hình thành như vùng nguyên liệu cho Nhà máy đường Lam Sơn, Nhà máy tinh bột sắn Bá Thước,...

Chuyển dịch cơ cấu lao động giữa các ngành, vùng và thành phần kinh tế diễn ra theo hướng tích cực. Cơ cấu lao động trong các ngành bước đầu có những thay đổi. Lao động làm việc trong khu vực kinh tế nhà nước giảm từ 107.885 người (chiếm 8,27%) năm 1991 xuống còn 94.913 người (6,43%) năm 1999; trong khi đó, ở khu vực ngoài quốc doanh tăng từ 1.197.156 người lên 1.381.310 người. Tỷ lệ lao động được đào tạo, có chuyên môn kỹ thuật tăng từ 8,2% năm 1989 lên 23,1% năm 2003.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, quá trình chuyển dịch CCKT còn một số hạn chế, bất cập. Hiệu quả sản xuất nông nghiệp còn thấp, ngành nghề truyền thống ở nhiều nơi bị mai một. Tiềm năng kinh tế biển lớn nhưng khai thác còn hạn chế. Tỷ trọng kinh tế công nghiệp còn thấp và chưa hợp lý giữa các vùng, các lĩnh vực. Công nghiệp chế biến nông, lâm, hải sản phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và nhu cầu. Việc triển khai thực hiện quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn còn nhiều lúng túng. Tỷ trọng dịch vụ thương mại trong CCKT còn thấp, năm 2003 mới đạt 32,8%. Hoạt động xuất nhập khẩu tăng trưởng chậm và chưa tương xứng với tiềm năng. Nhiều dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh như cung cấp

thông tin thị trường, tư vấn, tài chính...còn yếu kém, chưa phát triển ngang tầm với yêu cầu. Kinh tế trung du - miền núi phát triển và chuyển dịch chậm,....

Từ thực tiễn quá trình lãnh đạo, với những kết quả đạt được và những tồn tại, Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá rút ra một số bài học chủ yếu trong lãnh đạo, chỉ đạo chuyển dịch CCKT:

Một là, phải quán triệt và vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cho phù hợp với thực tiễn của tỉnh. Trên cơ sở đó xác định đúng đắn phương hướng, mục tiêu, biện pháp, cơ chế, chính sách chuyển dịch CCKT cho từng giai đoạn, từng ngành, từng địa phương. Kết quả chuyển dịch CCKT đạt được trong những năm qua là do Đảng bộ Tỉnh đã đề ra các chủ trương, giải pháp chuyển dịch CCKT, phát triển sản xuất phù hợp với đặc điểm của từng ngành, từng vùng. Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo nhiệm vụ trọng tâm với những bước đi thích hợp, kiên quyết khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại cấp trên hoặc giáo điều, máy móc. Trong quá trình đổi mới, Tỉnh ủy quán triệt, triển khai kịp thời các chủ trương của Đảng như khoán, dồn điền đổi thửa, quy hoạch lại đồng ruộng, xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, đầu tư khoa học - công nghệ,... tạo tiền đề quan trọng chuyển dịch CCKT.

Hai là, tăng cường dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể của toàn Đảng bộ và nhân dân trong quá trình đề ra và thực hiện các nghị quyết, các quyết định, tạo sự thống nhất trong ý chí và hành động; sự liên thông trong lãnh đạo, quản lý, điều hành của cấp ủy Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân đối với thực hiện chuyển dịch CCKT.

Ba là, chuyển dịch CCKT phải được triển khai đồng bộ ở tất cả các cấp, đặc biệt là ở cơ sở. Các cấp ủy phải phát huy mạnh mẽ vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cán bộ chủ chốt, đi đầu trong thực hiện chuyển dịch CCKT, xây dựng những nhân tố mới để tạo lòng tin, hướng dẫn và thúc đẩy mạnh quần chúng tích cực tham gia thực hiện các mục tiêu chuyển dịch CCKT trên địa bàn.

Bốn là, phải phát huy được sức mạnh khối đoàn kết toàn dân. Các cấp ủy phải dựa vào dân, tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực thực hiện chuyển dịch CCKT, phát triển sản xuất. Hỗ trợ và khuyến khích những điển hình trong chuyển dịch CCKT. Phát hiện kịp thời, quan tâm giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh trong quá trình chuyển dịch CCKT.

Để đẩy mạnh hơn nữa chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH, đòi hỏi phải tiếp tục chú trọng công tác xây dựng Đảng nhằm nâng cao trình độ, năng lực lãnh đạo, đặc biệt là tư duy kinh tế và năng lực quản lý kinh tế của Đảng bộ; tăng cường đầu tư hơn nữa phát triển kết cấu hạ tầng ở nông thôn tạo điều kiện thuận lợi tiếp tục thực hiện chuyển dịch CCKT trên địa bàn tỉnh theo hướng CNH, HĐH.

HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA MỘT SỐ TỜ BÁO...

(Tiếp theo trang 46)

Việc khẳng định Tạp chí *Đỏ* do Nguyễn Ái Quốc sáng lập đã được một số nhà nghiên cứu công bố trên báo, tạp chí (Bài "70 năm Tạp chí *Cộng sản*" của Hà Đăng, đăng báo *Nhân dân*, ngày 5-8-2000; bài "Truyền thống vẻ vang, trách nhiệm lớn lao" của GS, TS Lê Hữu Nghĩa, Tổng biên tập Tạp chí *Cộng sản*, đăng báo *Nhân dân*, ngày 4-8-2003). Đây là một sự kiện quan trọng trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh và của báo chí cách mạng Việt Nam, do đó cần được nghiên cứu kỹ và nếu đã khẳng định thì nên bổ sung vào bộ sách *Hồ Chí Minh- Biên niên tiểu sử* đang chuẩn bị tái bản để đồng đảo người nghiên cứu, bạn đọc được biết. Đồng thời cũng cần đính chính lại thông tin trong cuốn sách *Báo chí Việt Nam* của tác giả Hồng Chương, Nxb *Sự thật*, 1985, tr. 28, viết rằng đồng chí Trần Phú là người sáng lập Tạp chí *Đỏ*.

1. Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 1998, T.2, tr.12

2. Nguyễn Lương Bằng: "*Những lần gặp Bác*". In trong cuốn: *Bác Hồ sống mãi*, CTQG, H, 2005, tr.222.